

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Quang T, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: Chị Trần Thị Chung T, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 02 tháng 11 năm 2021 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Quang T trình bày: Anh và chị Trần Thị Chung T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên cãi vã, vợ anh tự ý bỏ nhà đi nhiều lần, anh có rước về và cố

gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 06/2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Chung T.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: có căn nhà cấp 4 do anh đang sinh sống và quản lý, ngoài ra còn có một sổ vàng do chị T đang giữ và một căn nhà được xây bên nhà mẹ chị T, chiếc xe mô tô hiệu Exciter cũng là tài sản chung. Tại phiên tòa, anh T trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn chị Trần Thị Chung T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị thống nhất với anh Hồ Quang T về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị bị bệnh về nhà mẹ ruột chăm sóc, anh T không quan tâm đến chị nên anh chị ly thân từ 10/9/2020 cho đến nay.

Chị không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn do anh Hồ Quang T trình bày. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn nhiều, do chồng chị không quan tâm tới chị nên yêu cầu ly hôn. Chị không đồng ý ly hôn với anh Hồ Quang T vì chị còn thương chồng.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Anh chị có tạo lập tài sản chung gồm một căn nhà tường cấp 4 tọa lạc tại ấp M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi căn nhà, chị nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà. Ngoài ra, có một chiếc xe hiệu “Matt” màu tím và Exciter màu đỏ, chị không nhớ rõ biển số, do chị đứng tên sở hữu, là tài sản riêng của chị, anh T đang quản lý, sử dụng; khi ly hôn chị yêu cầu anh T trả lại cho chị 02 chiếc xe này.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Hồ Quang T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Chung T; chị Trần Thị Chung T hiện cư trú tại ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, anh Hồ Quang T cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Chị Trần Thị Chung T cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, chị Trần Thị Chung T không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi anh Hồ Quang T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chị Trần Thị Chung T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh chị vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh và không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, càng trình bày mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng hơn, cho thấy dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Hồ Quang T đối với chị Trần Thị Chung T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T có lời trình bày có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng, Tòa án đã ấn định thời gian để anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T nộp đơn khởi kiện tranh chấp về tài sản khi ly hôn nhưng anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T không nộp đơn khởi kiện do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T có quyền khởi kiện tranh chấp về tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh Hồ Quang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Quang T đối với chị Trần Thị Chung T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Quang T được ly hôn với chị Trần Thị Chung T.

- Về con chung: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T trình bày không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Hồ Quang T và chị Trần Thị Chung T trình bày không có, nên không xem xét

2. Về án phí: Anh Hồ Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 8936 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thanh

